

Thanh Lâm, ngày 23 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN
THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ THANH LÂM NĂM 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Thanh Lâm.

A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 14/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Mê Linh: số 21/NQ - HĐND ngày 19/12/2024 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện Mê Linh; số 26/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2024; số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mê Linh Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của huyện Mê Linh;

Căn cứ các chỉ tiêu giao dự toán thu năm 2025 trên địa bàn xã Thanh Lâm do ngành thuế quản lý và số thu ngân sách đạt được năm 2024 của xã;

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH:

* **Tình hình chung:**

Tại Quyết định số 5988/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của huyện Mê Linh. UBND huyện giao cho xã cân đối thu, chi trên địa bàn là **18.280.061.000 đồng** tăng 65% so với năm 2024.

1. Thu ngân sách xã: (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn xã theo chỉ tiêu pháp lệnh: **6.011.845.000 đồng**;

Tổng thu Ngân sách xã được hưởng theo chỉ tiêu pháp lệnh là **18.280.061.000 đồng**, trong đó: thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp là **6.011.845.000 đồng**; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là **11.139.793.000 đồng** (gồm: Thu bổ sung cân đối: 9.077.192.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 2.062.601.000 đồng);

2. Chi ngân sách: (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Tổng chi ngân sách xã là **18.280.061.000 đồng**, trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương là 661.256.000 đồng (Số kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương được phân bổ luôn trong năm ngay từ khâu dự toán đầu năm). Ngoài ra, nguồn kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã được chi từ nguồn thu đảng phí được trích lại để chi theo quy định là 136.800.000 đồng;

2.1. Chi thường xuyên:

Nguyên tắc phân bổ và điều hành ngân sách:

(1) Định mức khoán chi ngân sách xã (để thực hiện chế độ tự chủ).

a) *Đối tượng áp dụng:* Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động chuyên trách xã thuộc:

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND xã; Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự;

+ Đảng ủy xã; Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội nông dân; Hội Cựu chiến binh;

b) *Nội dung định mức khoán chi ngân sách xã:*

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán (theo định mức khoán chi), bao gồm:

* **Giao quỹ tiền lương theo biên chế:** 4.215.848.000 đồng.

- Thực hiện giao quỹ tiền lương theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn. Về chỉ tiêu biên chế để xác định giao quỹ tiền lương cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức xã: Số lượng cán bộ, công chức được giao tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể: xã loại 1 tối đa 22 người; Cán bộ, công chức xã được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tính theo mức lương cơ sở 1.490 nghìn đồng/người/tháng và Chi bổ sung CCTL do tăng lương cơ bản từ 1.490 nghìn đồng lên 2.340 nghìn đồng;

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 10 chức danh theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố, cụ thể: xã loại 1 tối đa không quá 14 người;

- Người hoạt động không chuyên trách thôn: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn có 03 chức danh (Bí thư, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác thôn) được giao tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố;

*** Định mức khoán chi hoạt động theo biên chế được duyệt: 1.826.000.000 đồng.**

Tiêu thức để xác định mức khoán chi hoạt động thường xuyên (ngoài quỹ lương) theo biên chế được duyệt, gồm:

+ Cán bộ, công chức xã (loại 1 tối đa 22 biên chế); Định mức khoán chi hoạt động: là 69,00 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã (loại 1 tối đa 14 biên chế); định mức khoán chi là 22,00 triệu đồng/biên chế/năm;

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (Văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chính lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền cấp xã;

Tuy nhiên, trong năm UBND xã phải điều hành những công việc chung tại xã. Do vậy, sau khi dành nguồn kinh phí điều hành tập trung tại xã, số kinh phí tự chủ còn lại được phân bổ như sau:

Khối Khối Đảng ủy và HĐND, công chức được giao chi hoạt động theo mức là 20 triệu đồng/biên chế/năm; Khối đoàn thể chính trị giao chi hoạt động theo mức là 20 triệu đồng/biên chế/năm;

Cán bộ không chuyên trách giao chi hoạt động mức 6 triệu đồng/biên chế/năm đối với Đảng ủy xã, Quân sự xã, các đoàn thể chính trị, Hội NCT, CTĐ xã;

(2) Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã (tính theo dân số) với tổng số tiền là 4.202.280.000 đồng (trong đó: dân số là 18.985 dân, với nguồn kinh phí là đồng); trừ đi 136.800.000 đồng nguồn Đảng phí được giữ lại để chi theo quy định; số kinh phí còn lại được chi trong năm 2025 là 4.065.480.000 đồng;

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã được tính giảm dần theo 07 bậc dân số, cụ thể như sau:

Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 300.000 đồng/người dân;

Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 210.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 170.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 100.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 90.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 70.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 50.000đồng/người dân;

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật an toàn xã hội trên địa bàn xã (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ năm 2020, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2016 của Chính phủ, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định một số điều và biện pháp thi hành, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, các Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng,...; Hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã; kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, thị trấn; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn; kinh phí chi hỗ

trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của xã;

+ Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở xã;

* **Bổ sung có mục tiêu:** Tổng kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên là **3.405.524.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 01/6/2023 của Chính phủ: *Kinh phí khoán hoạt động chi theo mức lương 1.800 nghìn đồng đối với các Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: 120 triệu đồng (kinh phí khoán là 24 triệu đồng/đoàn thể);*

- Kinh phí nâng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội NCT, Hội CTĐ xã: 40 triệu đồng (*hỗ trợ 20 triệu đồng/Hội*);

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ dân vận thôn: 45 triệu đồng;

- Kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân thường trực: 800 triệu đồng;

- Kinh phí Đại hội Đảng, nhiệm kỳ 2025-2030: 587.124.000 (Đại hội Đảng bộ xã: 450.000.000 đồng; Đại hội chi bộ: 137.124.000 đồng);

- Kinh phí hoạt động của Tổ ANTT: 815.400.000 đồng;

- Kinh phí thực hiện đối với người hoạt động KCT ở xã, thôn: 655.000.000 đồng;

- Kinh phí tăng biên chế cán bộ, công chức và cán bộ KCT cấp xã: 273.000.000 đồng;

* Chi từ nguồn 50% tăng thu ngân sách xã để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách: 1.342.923.000 đồng

Trong đó:

- Kinh phí Đại hội Đảng, nhiệm kỳ 2025-2030: 457.523.000 đồng;

- Kinh phí hoạt động của Tổ ANTT: 815.400.000 đồng;

- Kinh phí đại hội TDTT: 50.000.000 đồng;

- Kinh phí đại hội Khuyến học: 20.000.000 đồng;

2.2. Chi dành nguồn thực hiện CCTL: 1.342.923.000 đồng;

2.3. Chi dự phòng ngân sách: Tổng dự toán chi **295.863.000 đồng**. Được sử dụng để chi các nhiệm vụ bất thường trong năm như: Chi khắc phục thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, tăng cường công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng. Trước khi sử dụng, UBND xã trình TT. HĐND xã xem xét, phê duyệt.

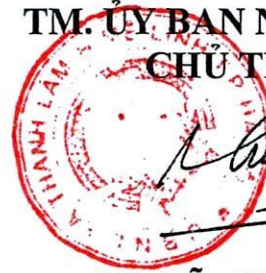
3. Chi từ nguồn CCTL năm 2024 của đơn vị chuyển sang năm 2025: 1.128.423.000 đồng. Nguồn kinh phí này dùng để phân bổ các cán bộ, công chức, người hoạt động KCT ở xã, thôn thực hiện cải cách tiền lương từ lương mức lương cơ sở 1.490.000 đồng tăng lên 2.340.000 đồng.

Trên đây là thuyết minh phương án phân bổ và điều hành dự toán thu, chi NSNN xã năm 2025, UBND xã báo cáo xin ý kiến HĐND xã Thanh Lâm;

Nơi nhận:

- HĐND xã (để b/cáo);
- TT. Đảng ủy xã (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban KT - XH HĐND xã;
- Các bộ phận chuyên môn thuộc xã (để t/hiện);
- Lưu VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Giới